

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN P  
TỈNH H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh P

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18-01-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Mạnh Quyền;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hạnh và ông Lưu Đình Bằng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu H, Cán bộ Tòa án.

- **Đại diện VKSND huyện P tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị H, Kiểm sát viên.

Ngày 18/01/2022, tại trụ sở; Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ dân sự thụ lý số: 90/2021/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; “Vắng mặt”

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Phòng 1404 D1T1, Chung cư T, xã A, huyện H, H;

2. *Bị đơn:* Ông Doãn X P, sinh năm 1948; “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Doãn X P kết hôn với nhau vào ngày 31/5/1984 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Trước khi kết hôn, bà H và ông P được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau vì đều làm công nhân trên Nông Trường Mộc Châu. Sau khi kết hôn, bà và ông P tiếp tục chung sống với nhau ở khu tập thể của Nông Trường Mộc Châu, đến năm 1987 do bố chồng bà ốm nên vợ chồng bà đã chuyển về Đ, P, H sinh sống. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bà bình thường, thi thoảng có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau do bất đồng quan điểm nhưng xong rồi lại thôi. Khoảng năm 2004, 2005 vợ chồng bà bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong sinh hoạt và trong việc chi tiêu trong gia đình, bà thì làm nông nghiệp không có thu nhập, ông

P thì có lương hưu nhưng ông P lại có quan điểm là tiền của ai thì người đó tiêu, ông P không đưa tiền cho bà để chi tiêu cho gia đình, cũng giai đoạn năm 2004 - 2005 hai con gái bà đều đi học đại học, nhu cầu chi tiêu cho các con bà thì lớn nhưng ông P không hề có trách nhiệm gì đối với việc ăn học của các con mà phó mặc một mình bà phải lo toan, gánh vác. Trước năm 2005 cũng đã có lần bà làm đơn xin ly hôn ông P ra Tòa án nhân dân huyện P nhưng sau đó lại xin rút đơn, sau đó ông P lại làm đơn xin ly hôn bà nhưng ông P sợ phải chia tài sản nên lại xin rút đơn về. Bà đã nhiều lần tham gia góp ý với ông P nhưng ông P không nghe nên vợ chồng xảy ra cãi vã nhau, nhiều lần ông P dùng bạo lực đánh đập nên bà đã bỏ lên H đi làm thuê để kiếm tiền nuôi hai con gái ăn học đại học, bà thì ở H còn ông P thì vẫn ở quê. Năm 2006 có dịp về quê, bà phát hiện ông P đưa người phụ nữ khác về nhà chung sống với nhau, đến năm 2010 con gái bà chuẩn bị đi xây dựng gia đình, bà có về quê báo cho ông P biết thì người phụ nữ chung sống cùng ông P đuổi không cho bà vào nhà. Cũng từ năm 2005 cho đến nay ông P không có trách nhiệm gì với ba mẹ con bà, kể cả khi con gái đi xây dựng gia đình riêng thì ông P cũng không có trách nhiệm gì. Bà và ông P sống ly thân nhau, không còn liên lạc, không còn quan tâm và không có trách nhiệm gì với nhau từ năm 2005 cho đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông P, vợ chồng bà đã sống ly thân nhau 15 - 16 năm nay rồi nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Doãn X P để bà ổn định tinh thần lúc tuổi già.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là Doãn Thị X, sinh năm 1985 và Doãn Thị H, sinh năm 1989. Hiện nay các con bà đã trưởng thành, tự lập được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2021, bị đơn ông Doãn X P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 31/5/1984 tại UBND thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn ông và bà H ở khu tập thể của Nông trường Mộc Châu được 04 năm, đến tháng 11 năm 1988 do bố đẻ ông ốm yếu nên vợ chồng ông đã chuyển về quê ở thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H sinh sống. Khi về quê sinh sống, do cuộc sống khó khăn nên ông đã đi làm ăn xa nhà, đến năm 2001 ông mới trở về quê sinh sống thì được biết bà H sống không chung thủy với ông, có quan hệ bất chính với người khác trong thời gian ông vắng nhà từ năm 1992 đến năm 2001. Khi sự việc xảy ra như vậy, ông có khuyên ngăn và tạo cơ hội để bà H sửa sai nhưng bà H tự thấy xấu hổ nên đã tự bỏ nhà đi từ tháng 4/2004 cho đến nay chứ ông không hề đánh đập, bạo lực gia đình hoặc đuổi bà H đi. Việc bà H khai năm 2006 khi về quê có bắt gặp người phụ nữ đến chung sống cùng nhà với ông và đuổi bà H ra khỏi nhà là không chính xác. Ông có rất nhiều bạn bè đến nhà chơi nhưng chỉ là quan hệ bạn bè trong sáng chứ không có quan hệ gì khác. Khoảng năm 2004 bà H cũng đã có lần làm đơn xin ly hôn ông ra Tòa án nhân dân huyện P nhưng không hiểu vì lý do gì mà bà H lại rút đơn về, cũng năm 2004 ông có làm đơn xin ly hôn bà H vì lý do bà H sống không chung thủy với ông nhưng bà H không ký đơn nên ông lại xin rút đơn về. Ông và bà H đã sống ly thân từ năm 2004 cho đến nay mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai, kể cả các con gái của ông cũng chưa bao giờ hỏi thăm đến ông. Nay bà H có đơn xin ly hôn

ông, nếu bà H muốn quay về chung sống cùng ông lúc tuổi già thì ông cũng nhất trí cho bà H quay về, còn nếu bà H cương quyết xin ly hôn thì ông cũng nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật xem xét, giải quyết. Về con chung: ông và bà H có 02 con chung là Doãn Thị X, sinh năm 1985; Doãn Thị H, sinh năm 1989. Ly hôn, các con ông đã trưởng thành, tự lập được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- UBND xã Đ cung cấp thông tin: Ông Doãn X P và bà Nguyễn Thị H không chung sống cùng nhau nhiều năm nay, ông P thì ở thôn Đ, xã Đ, huyện P, còn bà H thì sinh sống ở H cùng con gái. Nguyên nhân gì mà bà H, ông P không chung sống cùng nhau thì địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bị đơn ông Doãn X P vắng mặt và đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện P phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, cho bà H được ly hôn với ông Doãn X P. Về con chung: Bà H, ông P có hai con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị H và ông Doãn X P có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La vào ngày 31/5/1984 theo quy định của pháp luật. Ông Doãn X P đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H; bà H có đơn khởi kiện xin ly hôn ông P, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền

quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị H và ông Doãn X P kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La vào ngày 31/5/1984 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông P là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, ông P, bà H sống với nhau tình cảm bình thường đến năm 2004 thì nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, trong sinh hoạt và trong việc chi tiêu trong gia đình; ngoài ra giữa bà H và ông P có sự nghi ngờ lẫn nhau về việc vợ chồng sống không chung thủy với nhau. Năm 2004 cả bà H và ông P đều đã có lần nộp đơn xin ly hôn nhau ra Tòa án nhân dân huyện P sau đó lại rút đơn về nhưng vợ chồng ông P, bà H không chung sống cùng nhau mà sống ly thân mỗi người ở một nơi, bà H thì lên H làm ăn, còn ông P thì vẫn sinh sống ở thôn Đ, xã Đ. Bà H và ông P đều xác nhận vợ chồng ông, bà đã sống ly thân nhau từ năm 2005 cho đến nay không ai còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông P nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông P; ông P có quan điểm nếu bà H muốn quay về chung sống cùng ông lúc tuổi già thì ông cũng nhất trí cho bà H quay về, còn nếu bà H cương quyết xin ly hôn thì ông cũng nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật xem xét, giải quyết. HĐXX nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H có đơn khởi kiện xin ly hôn ông P là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Doãn X P đều xác nhận ông, bà có 02 con chung là Doãn Thị X, sinh năm 1985; Doãn Thị H, sinh năm 1989. Ly hôn, ông P, bà H đều có chung quan điểm các con của ông, bà đã trưởng thành, tự lập được, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đây là sự tự nguyện của các bên đương sự nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1

Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, xử cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Doãn X P.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Doãn X P đều xác nhận ông, bà có 02 con chung là Doãn Thị X, sinh năm 1985; Doãn Thị H, sinh năm 1989. Ông P, bà H đều xác định các con của ông, bà đã trưởng thành, tự lập được, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0006027, ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện P
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND TT Nông Trường Mộc Châu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Mạnh Quyền**